

Phụ lục I
DANH MỤC THỪA ĐẤT, KHU ĐẤT THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 592 /KH-UBND ngày 12 /10 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT		Địa chỉ thửa đất, khu đất	Diện tích (m2)	Loại đất đấu giá	Ghi chú
1		2	3	4	5
TỔNG (A+B)			1.639.637,44		
A. DANH MỤC THEO KẾ HOẠCH SỐ 103/KH-UBND			425.816,09		
1		UBND phường Tô Châu quản lý	49.103,80		
1	1.1	Khu dân cư dịch vụ du lịch biển Thuận Yên	49.103,80	Đất ở tại đô thị	Diện tích giảm còn 49.103,8m2 so với Kế hoạch số 103/KH-UBND.
2		UBND phường Hà Tiên quản lý	90.131,30		
2	2.1	Khu dân cư dịch vụ du lịch đường Bãi Nò	67.270,30	Đất ở tại đô thị Đất thương mại, dịch vụ	
3	2.2	Lô đất E4 thuộc khu đô thị mới Hà Tiên	3.824,50	Đất thương mại, dịch vụ	
4	2.3	Lô đất E5 thuộc khu đô thị mới Hà Tiên	5.555,90	Đất thương mại, dịch vụ	
5	2.4	Lô đất D8 thuộc khu đô thị mới Hà Tiên	6.027,70	Đất thương mại, dịch vụ	
6	2.5	Chợ đầu mối Mương Đào	7.452,90	Đất ở tại đô thị	
3		Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý	160.137,60		
7	3.1	Khu đất Nông trường Lương An Trà, xã Vĩnh Gia	126.067,50	Đất chăn nuôi tập trung	
8	3.2	Thửa đất thu hồi của Công an tỉnh, đặc khu Phú Quốc	6.278,00	Đất thương mại, dịch vụ	
9	3.3	Thửa đất tại đường Đinh Tiên Hoàng, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	87,70	Đất ở tại đô thị	
10	3.4	Thửa đất tại 1125 Lâm Quang Ky, phường Rạch Giá	4.804,70	Đất ở tại đô thị	
11	3.5	Thửa đất tại khu phố Tám Thước, xã Kiên Lương	6.237,60	Đất ở tại đô thị	

STT		Địa chỉ thửa đất, khu đất	Diện tích (m2)	Loại đất đấu giá	Ghi chú
12	3.6	Thửa đất tại 827 Mạc Cửu, phường Rạch Giá	4.814,20	Đất ở tại đô thị	
13	3.7	Khu đất Bê tông ly tâm, phường Bình Đức	6.527,80	Đất thương mại, dịch vụ	
14	3.8	Khu đất 05 nền Khu dân cư Bà Bầu , phường Long Xuyên	334,00	Đất ở tại đô thị	
15	3.9	Khu đất Bến xe Bình Khánh, phường Bình Đức	4.986,10	Đất ở tại đô thị	
4		<i>UBND xã Kiên Lương quản lý</i>	<i>3.946,50</i>		
16	4.1	Khu dân cư Trường nhà trẻ mẫu giáo Hoa Mai	3.946,50	Đất ở tại đô thị	
5		<i>UBND xã Giồng Riềng quản lý</i>	<i>7.387,94</i>		
17	5.1	Dự án Chính trang đô thị thị trấn Giồng Riềng	7.233,94	Đất ở tại đô thị	
18	5.2	Khu phố nội ô, thị trấn Giồng Riềng	154,00	Đất thương mại, dịch vụ	
6		<i>UBND phường Rạch Giá quản lý</i>	<i>76.639,85</i>		
19	6.1	Tuyến Đê biển (L2, L3) tại phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	5.938,71	Đất ở tại đô thị	
20	6.2	Tuyến Đê biển (L1, L4, L5) tại phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	24.611,01	Đất ở tại đô thị	
21	6.3	Khu đất ký hiệu C1 Khu Công viên Lạc Hồng	4.860,00	Đất thương mại, dịch vụ	
22	6.4	Khu đất Công ty Cổ phần du lịch thương mại Hoà Giang, đường Nguyễn Thái Học	4.400,00	Đất thương mại, dịch vụ	

STT		Địa chỉ thửa đất, khu đất	Diện tích (m2)	Loại đất đấu giá	Ghi chú
23	6.5	Đấu giá khu đất HH-01, HH-02 hai bên quảng trường Trần Quang Khải	34.296,29	Đất ở tại đô thị	
24	6.6	Khu đất Câu lạc bộ Hưu trí tỉnh	2.415,70	Đất ở tại đô thị	Điều chỉnh giảm diện tích do chỉnh lý.
25	6.7	Khu đất công thuộc phường Vĩnh Lợi cũ	88,60	Đất ở tại đô thị	
26	6.8	Khu đất tại 858B Nguyễn Trung Trực	29,54	Đất ở tại đô thị	Điều chỉnh giảm diện tích.
7		<i>UBND xã Gò Quao quản lý</i>	<i>5.156,70</i>		
27	7.1	Khu hành chính cũ Định An, ấp An Trung	1.065,30	Đất ở tại nông thôn	
28	7.2	Trụ sở làm việc Công an Định An cũ, ấp An Trung	276,20	Đất ở tại nông thôn	
29	7.3	Khu đất gần nhà vệ sinh thuộc Chợ cũ Định An, ấp An Trung	156,40	Đất ở tại nông thôn	
30	7.4	Khu kinh tế dịch vụ, khu phố Phước Hưng 1, xã Gò Quao, tỉnh An Giang	3.658,80	Đất thương mại, dịch vụ	
8		<i>UBND đặc khu Kiên Hải</i>	<i>10.138,30</i>		
31	8.1	Trung tâm thương mại xã An Sơn	10.138,30	Đất ở tại nông thôn Đất thương mại, dịch vụ Đất chợ	Điều chỉnh quy mô đấu giá
9		<i>UBND xã Vĩnh Hòa quản lý</i>	<i>23.174,10</i>		
32	9.1	Thửa số 258 đến 262, tờ bản đồ số 7, Khu đô thị mới	23.174,10	Đất thương mại, dịch vụ Đất chợ	

STT		Địa chỉ thửa đất, khu đất	Diện tích (m2)	Loại đất đấu giá	Ghi chú
B. DANH MỤC BỔ SUNG			1.213.821,35		
1		Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý	225.201,40		
1	1.1	Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ kết hợp căn hộ, phường Long Xuyên	16.266,00	Đất ở tại đô thị Đất thương mại, dịch vụ Đất giáo dục Đất giao thông	
2	1.2	Đấu giá khu đất thương mại dịch vụ, phường Long Phú	3.433,00	Đất thương mại, dịch vụ	
3	1.3	Khu đất thu hồi của Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam, xã Long Thạnh	55.251,10	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	
4	1.4	Khu đất thu hồi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	146.605,10	Đất thương mại, dịch vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường sớm hoàn thành thủ tục thu hồi, giao phần đất đã giải phóng mặt bằng cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý.
5	1.5	Cơ sở nhà, đất tại số 621 Quốc lộ 61, xã Châu Thành	208,90	Đất ở tại nông thôn	
6	1.6	Cơ sở nhà, đất tại số 12 Hàm Nghi, phường Rạch Giá	62,30	Đất ở tại đô thị	
7	1.7	03 thửa đất đường Tôn Đức Thắng, Khu lấn biển, phường Rạch Giá	3.375,00	Đất ở tại đô thị	
2		UBND phường Bình Đức quản lý	42,10		
8	2.1	Thửa số 262 tờ bản đồ số 71	42,10	Đất ở tại đô thị	
3		Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý	495.300,00		
9	3.1	Đấu giá quyền sử dụng đất để lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Thạnh Lộc (giai đoạn 1)	495.300,00	Đất khu công nghiệp	Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về phương án thực hiện khắc phục theo kiến nghị của Tổng Kiểm toán Nhà nước tại KCN Thạnh Lộc.
4		UBND xã Cù Lao Giêng quản lý	371.032,70		
10	4.1	Khu đất bãi bồi ấp Tây Thượng (khu 1)	23.361,50	Đất nuôi trồng thủy sản	
11	4.2	Khu đất bãi bồi ấp Tây Thượng (khu 2)	41.954,90	Đất nuôi trồng thủy sản	
12	4.3	Khu đất bãi bồi ấp Tây Thượng (khu 3)	40.284,00	Đất nuôi trồng thủy sản	

STT		Địa chỉ thửa đất, khu đất	Diện tích (m2)	Loại đất đấu giá	Ghi chú
13	4.4	Khu đất bãi bồi ấp Tây Thượng Ấp Thị (Đất thương mại dịch vụ)	104.384,90	Đất thương mại, dịch vụ	
14	4.5	Khu đất bãi bồi ấp Tây Thượng Ấp Thị	161.047,40	Đất nuôi trồng thủy sản	
5		UBND xã Định Mỹ quản lý	2.200,20		
15	5.1	Văn Phòng ấp Trung Phú 2 (cũ)	48,00	Đất ở tại nông thôn	
16	5.2	Văn Phòng Ấp Hòa Thành (cũ)	148,20	Đất ở tại nông thôn	
17	5.3	Văn Phòng ấp Hòa Long (mới XD)	79,30	Đất ở tại nông thôn	
18	5.4	Khu đất công 467,6m2	467,60	Đất ở tại nông thôn	
19	5.5	Cụm dân cư Trường Tiền, Thửa số 396 - Tờ bản đồ số 9	125,10	Đất ở tại nông thôn	
20	5.6	Cụm dân cư Trường Tiền, Thửa số 404 - Tờ bản đồ số 9	80,00	Đất ở tại nông thôn	
21	5.7	Cụm dân cư Trường Tiền, Thửa số 403 - Tờ bản đồ số 9	85,10	Đất ở tại nông thôn	
22	5.8	Cụm dân cư Trường Tiền, Thửa số 346 - Tờ bản đồ số 9	141,60	Đất ở tại nông thôn	
23	5.9	Cụm dân cư Trường Tiền, Thửa số 384 - Tờ bản đồ số 9	100,00	Đất ở tại nông thôn	
24	5.10	Cụm dân cư Trường Tiền, Thửa số 377 - Tờ bản đồ số 9	100,00	Đất ở tại nông thôn	
25	5.11	Cụm dân cư Trường Tiền, Thửa số 376 - Tờ bản đồ số 9	127,00	Đất ở tại nông thôn	
26	5.12	Cụm dân cư Trường Tiền, Thửa số 312 - Tờ bản đồ số 9	93,60	Đất ở tại nông thôn	
27	5.13	Cụm dân cư Trường Tiền, Thửa số 345 - Tờ bản đồ số 9	82,40	Đất ở tại nông thôn	
28	5.14	Cụm dân cư Trường Tiền, Thửa số 329 - Tờ bản đồ số 9	93,60	Đất ở tại nông thôn	
29	5.15	Cụm dân cư Trường Tiền, Thửa số 294 - Tờ bản đồ số 9	106,60	Đất ở tại nông thôn	
30	5.16	Cụm dân cư Trường Tiền, Thửa số 293 - Tờ bản đồ số 9	115,30	Đất ở tại nông thôn	
31	5.17	Cụm dân cư Trường Tiền, Thửa số 295 - Tờ bản đồ số 9	116,40	Đất ở tại nông thôn	
32	5.18	Cụm dân cư Trường Tiền, Thửa số 311 - Tờ bản đồ số 9	90,40	Đất ở tại nông thôn	
6		UBND xã Gò Quao quản lý	329,80		
33	6.1	Khu đất dư (Dự án Bến xe khách và Khu dân cư thị trấn Gò Quao)	251,40	Đất ở tại nông thôn	
34	6.2	Khu đất giáp đường số 5 (đôi diện sân bóng mini)	78,40	Đất ở tại nông thôn	
7		UBND phường Hà Tiên quản lý	1.007,00		
35	7.1	Nhà tập thể giáo viên tại đường Mạc Thiên Tích nối dài, khu phố 3 - Đông Hồ	141,60	Đất ở tại đô thị	
36	7.2	Thanh lý tài sản trên đất Trụ sở khu phố 1 - Đông Hồ, tại đường Tô Châu, khu phố 1 - Đông Hồ	46,20	Đất ở tại đô thị	

STT		Địa chỉ thửa đất, khu đất	Diện tích (m2)	Loại đất đấu giá	Ghi chú
37	7.3	Thanh lý tài sản trên đất Trường Tiểu học Mỹ Đức (điểm Mỹ Lộ) tại đường quốc lộ 80, khu phố Mỹ Lộ	819,20	Đất ở tại đô thị	
8		UBND xã Phú Hòa quản lý	12.054,70		
38	8.1	Công ty TNHH SXTM XNK Nam Á (ấp Phú Hữu)	9.994,00	Đất khu công nghiệp	
39	8.2	Hợp tác xã (ấp Kênh Đào)	641,00	Đất ở tại nông thôn	
40	8.3	Trạm Bơm (ấp Hòa Tây B)	350,00	Đất ở tại nông thôn	
41	8.4	Đất Nhà Máy Nước (ấp Phú Hữu)	846,10	Đất ở tại nông thôn	
42	8.5	Khu đất VP ấp Đông An (cũ) (ấp Đông an)	129,80	Đất ở tại nông thôn	
43	8.6	Khu đất VP ấp Phú Lợi (ấp Hòa Tây A)	93,80	Đất ở tại nông thôn	
9		UBND phường Rạch Giá quản lý	20.971,25		
44	9.1	Trụ sở Công an phường Rạch Sỏi cũ, 88 Nguyễn Chí Thanh	74,60	Đất ở tại đô thị	
45	9.2	Đất trụ sở Trường Mầm non Hướng Dương, 232 Trần Khánh Dư	355,80	Đất ở tại đô thị	
46	9.3	Đất Trường TH Trần Khánh Dư, 282 Trần Khánh Dư	502,90	Đất ở tại đô thị	
47	9.4	Trụ sở làm việc Ban bồi thường GPMB và hỗ trợ tái định cư, 52 Nguyễn Văn Trỗi	75,00	Đất ở tại đô thị	
48	9.5	Đất Trường TH Âu Cơ, 48 Lý Tự Trọng	181,40	Đất ở tại đô thị	
49	9.6	Đất trụ sở Trường Mẫu giáo Hoa Mai, 12 Nguyễn Văn Siêu	285,60	Đất ở tại đô thị	
50	9.7	Đất Trường TH Châu Văn Liêm (Điểm phụ 2)	497,50	Đất ở tại đô thị	
51	9.8	Tuyến đê biển Lô L10	5.782,48	Đất ở tại đô thị	
52	9.9	Tuyến đê biển Lô L11	6.703,40	Đất ở tại đô thị	
53	9.10	Tuyến đê biển Lô L12	5.313,09	Đất ở tại đô thị	
54	9.11	Tuyến đê biển Lô C3	678,98	Đất thương mại, dịch vụ	
55	9.12	Tuyến đê biển Lô C9	520,50	Đất thương mại, dịch vụ	
10		UBND xã Thạnh Mỹ Tây quản lý	1.184,00		
56	10.1	Lô 1 nền số 38 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	80,00	Đất ở tại nông thôn	
57	10.2	Lô 1 nền số 39 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	80,00	Đất ở tại nông thôn	
58	10.3	Lô 1 nền số 42 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	80,00	Đất ở tại nông thôn	

STT		Địa chỉ thửa đất, khu đất	Diện tích (m2)	Loại đất đấu giá	Ghi chú
59	10.4	Lô 1 nền số 43 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	80,00	Đất ở tại nông thôn	
60	10.5	Lô 1 nền số 44 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	80,00	Đất ở tại nông thôn	
61	10.6	Lô 1 nền số 45 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	80,00	Đất ở tại nông thôn	
62	10.7	Lô 1 nền số 46 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	80,00	Đất ở tại nông thôn	
63	10.8	Lô 1 nền số 47 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	64,00	Đất ở tại nông thôn	
64	10.9	Lô 2 nền số 23 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	80,00	Đất ở tại nông thôn	
65	10.10	Lô 2 nền số 25 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	80,00	Đất ở tại nông thôn	
66	10.11	Lô 2 nền số 28 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	80,00	Đất ở tại nông thôn	
67	10.12	Lô 2 nền số 48 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	80,00	Đất ở tại nông thôn	
68	10.13	Lô 2 nền số 50 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	80,00	Đất ở tại nông thôn	
69	10.14	Lô 2 nền số 51 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	80,00	Đất ở tại nông thôn	
70	10.15	Lô 2 nền số 53 Cụm dân cư vượt lũ ấp Bờ Dâu (giai đoạn 2)	80,00	Đất ở tại nông thôn	
11		UBND xã Tri Tôn quản lý	50.427,40		
71	11.1	Khu dân cư - Trung tâm thương mại hướng Đông thị trấn Tri Tôn	48.086,70	Đất ở tại đô thị	
72	11.2	Khu đất Suối khoáng (đất ở)	2.340,70	Đất ở tại đô thị	
12		UBND xã Vĩnh Gia quản lý	226,90		
73	12.1	Khu đất Ban nhân dân ấp An Phước (cũ)	226,90	Đất ở tại nông thôn	
13		UBND xã Vĩnh Trạch quản lý	30.046,20		
74	13.1	Ấp Vĩnh Lợi Xã Vĩnh Trạch (Thửa 122, tờ: 8)	30.046,20	Đất chuyên trồng lúa	
14		UBND xã Vĩnh Xương quản lý	2.718,00		

STT		Địa chỉ thửa đất, khu đất	Diện tích (m2)	Loại đất đấu giá	Ghi chú
75	14.1	Khu đất phía sau trụ sở UBND xã Phú Lộc cũ (30 nền)	2.318,00	Đất ở tại nông thôn	
76	14.2	Tuyến dân cư khắc phục ô nhiễm xã Vĩnh Xương	400,00	Đất ở tại nông thôn	
15		UBND xã Chợ Vàm quản lý	1.079,70		
77	15.1	Nền số 1, Lô 13; thửa đất 81, tờ 97, thuộc CTDC xã Phú Thành, ấp Phú Thượng, xã Chợ Vàm	100,00	Đất ở tại nông thôn	
78	15.2	Nền số 2, Lô 13; thửa đất 82, tờ 97, thuộc CTDC xã Phú Thành, ấp Phú Thượng, xã Chợ Vàm	100,00	Đất ở tại nông thôn	
79	15.3	Nền số 3, Lô 13; thửa đất 83, tờ 97, thuộc CTDC xã Phú Thành, ấp Phú Thượng, xã Chợ Vàm	100,00	Đất ở tại nông thôn	
80	15.4	Nền số 4, Lô 13; thửa đất 84, tờ 97, thuộc CTDC xã Phú Thành, ấp Phú Thượng, xã Chợ Vàm	100,00	Đất ở tại nông thôn	
81	15.5	Nền số 5, Lô 13; thửa đất 85, tờ 97, thuộc CTDC xã Phú Thành, ấp Phú Thượng, xã Chợ Vàm	100,00	Đất ở tại nông thôn	
82	15.6	Nền số 6, Lô 13; thửa đất 86, tờ 97, thuộc CTDC xã Phú Thành, ấp Phú Thượng, xã Chợ Vàm	100,00	Đất ở tại nông thôn	
83	15.7	Nền số 7, Lô 13; thửa đất 87, tờ 97, thuộc CTDC xã Phú Thành, ấp Phú Thượng, xã Chợ Vàm	100,00	Đất ở tại nông thôn	
84	15.8	Nền số 8, Lô 13; thửa đất 88, tờ 97, thuộc CTDC xã Phú Thành, ấp Phú Thượng, xã Chợ Vàm	100,00	Đất ở tại nông thôn	
85	15.9	Nền số 9, Lô 13; thửa đất 89, tờ 97, thuộc CTDC xã Phú Thành, ấp Phú Thượng, xã Chợ Vàm	100,00	Đất ở tại nông thôn	
86	15.10	Nền số 10, Lô 13; thửa đất 90, tờ 97, thuộc CTDC xã Phú Thành, ấp Phú Thượng, xã Chợ Vàm	179,70	Đất ở tại nông thôn	
16		UBND xã Thoại Sơn quản lý	730.008,10		
87	16.1	Khu đất cấp Trường tiểu học "B" Bình Thành (cũ)	2.163,00	Đất chuyên trồng lúa	
88	16.2	Khu đất Công an xã Ốc Eo	14.915,20	Đất chuyên trồng lúa	
89	16.3	Khu đất Xã Đội Ốc Eo	18.893,10	Đất chuyên trồng lúa	
90	16.4	Khu đất cấp Ban ấp Kiên Hảo	4.087,10	Đất chuyên trồng lúa	
91	16.5	Khu đất Công an huyện (cũ)	669.923,00	Đất chuyên trồng lúa	
92	16.6	Khu đất nông nghiệp xã Thoại Giang (cũ)	20.026,70	Đất chuyên trồng lúa	

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC THỪA ĐẤT, KHU ĐẤT CẦN RÀ SOÁT, BỔ SUNG HỒ SƠ PHÁP LÝ
(Kèm theo Kế hoạch số 592 /KH-UBND ngày 12 /10 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT		Địa chỉ thửa đất, khu đất	Diện tích (m2)	Loại đất đấu giá	Đề xuất, kiến nghị
1		2	3	4	5
TỔNG			346.607,27		
1		Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý	287.534,27		
1	1.1	Thửa số 44, tờ bản đồ số 19 thuộc Khu Thương mại - Dịch vụ Cửa khẩu Khánh Bình, xã Khánh Bình	12.886,30		Đề nghị Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh: - Liên hệ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh thực hiện trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất. - Cung cấp cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh bản vẽ quy hoạch tỷ lệ 1/2000 (bản sao và file CAD tọa độ VN2000). - Đề xuất cụ thể loại đất đấu giá.
2	1.2	Thửa số 331, tờ bản đồ số 19 thuộc Khu Thương mại - Dịch vụ Cửa khẩu Khánh Bình, xã Khánh Bình	18.730,70		
3	1.3	Thửa số 329, tờ bản đồ số 19 thuộc Khu Thương mại - Dịch vụ Cửa khẩu Khánh Bình, xã Khánh Bình	11.030,70		
4	1.4	Thửa số 330, tờ bản đồ số 19 thuộc Khu Thương mại - Dịch vụ Cửa khẩu Khánh Bình, xã Khánh Bình	20.554,80		
5	1.5	Đất Thương mại - Kho thuộc Khu Thương mại - Dịch vụ Cửa khẩu Khánh Bình, xã Khánh Bình	19.719,12		
6	1.6	Bãi tập kết và trung chuyển hàng hóa tại Khu Kinh tế Cửa khẩu Tịnh Biên, phường Tịnh Biên	76.997,70		
7	1.7	Đất khu dịch vụ thuộc KCN Xuân Tô, ký hiệu DV2	2.779,40		
8	1.8	Lô B thuộc Khu Quản lý, Thương mại và Dịch vụ của khẩu Vĩnh Xương, xã Vĩnh Xương	15.508,00		
9	1.9	Lô C thuộc Khu Quản lý, Thương mại và Dịch vụ của khẩu Vĩnh Xương, xã Vĩnh Xương	19.172,00		
10	1.10	Lô D thuộc Khu Quản lý, Thương mại và Dịch vụ của khẩu Vĩnh Xương, xã Vĩnh Xương	20.000,00		
11	1.11	Lô E thuộc Khu Quản lý, Thương mại và Dịch vụ của khẩu Vĩnh Xương, xã Vĩnh Xương	23.970,00		
12	1.12	Lô F thuộc Khu Quản lý, Thương mại và Dịch vụ của khẩu Vĩnh Xương, xã Vĩnh Xương	2.463,00		
13	1.13	Lô 6 thuộc Khu Quản lý, Thương mại và Dịch vụ của khẩu Vĩnh Xương, xã Vĩnh Xương	899,77		

14	1.14	Lô 7 thuộc Khu Quản lý, Thương mại và Dịch vụ của khẩu Vĩnh Xương, xã Vĩnh Xương	707,45		- Liên hệ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh thực hiện trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất. - Cung cấp cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh bản vẽ quy hoạch tỷ lệ 1/2000 (bản sao và file CAD tọa độ VN2000). - Đề xuất cụ thể loại đất đấu giá.
15	1.15	Lô 8 thuộc Khu Quản lý, Thương mại và Dịch vụ của khẩu Vĩnh Xương, xã Vĩnh Xương	26.182,50		
16	1.16	Lô 11 thuộc Khu Quản lý, Thương mại và Dịch vụ của khẩu Vĩnh Xương, xã Vĩnh Xương	9.738,33		
17	1.17	Lô 12 thuộc Khu Quản lý, Thương mại và Dịch vụ của khẩu Vĩnh Xương, xã Vĩnh Xương	652,00		
18	1.18	Lô 13 thuộc Khu Quản lý, Thương mại và Dịch vụ của khẩu Vĩnh Xương, xã Vĩnh Xương	2.557,00		
19	1.19	Khu đất dịch vụ công cộng thuộc Khu công nghiệp Bình Long, xã Châu Phú	2.985,50		
2		<i>UBND xã Gò Quao quản lý</i>	<i>1.090,60</i>		
20	2.1	Khu đất công giáp quán Bún cá (Dự án Bến xe khách và Khu dân cư thị trấn Gò Quao)	117,60	Đất ở tại nông thôn	UBND xã Gò Quao xử lý công trình, vật kiến trúc trên đất trước khi tổ chức đấu giá.
21	2.2	Khu đất giáp quán Thế kỷ (Dự án Bến xe khách và Khu dân cư thị trấn Gò Quao)	498,00	Đất ở tại nông thôn	UBND xã Gò Quao xử lý công trình, vật kiến trúc trên đất trước khi tổ chức đấu giá.
22	2.3	Khu đất giáp quán Napoly (Dự án Bến xe khách và Khu dân cư thị trấn Gò Quao)	475,00	Đất ở tại nông thôn	UBND xã Gò Quao xử lý công trình, vật kiến trúc trên đất trước khi tổ chức đấu giá.
3		<i>UBND xã Long Thạnh quản lý</i>	<i>829,30</i>		
23	3.1	Khu đất thuộc cụm tuyến dân cư vượt lũ, ấp Bến Nhất (10 thửa)	829,30	Đất ở tại nông thôn	UBND xã Long Thạnh rà soát, kiểm tra lại sự phù hợp quy hoạch đối với các thửa đất đề xuất đấu giá.
4		<i>UBND xã Tri Tôn quản lý</i>	<i>44.617,00</i>		
24	4.1	Khu đất Suối khoáng (đất nông nghiệp)	44.617,00	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	UBND xã Tri Tôn điều chỉnh quy hoạch chung.
5		<i>UBND xã U Minh Thượng quản lý</i>	<i>1.014,30</i>		
25	5.1	Khu đất khu dân cư xã Minh Thuận, Ấp Minh Kiên	1.014,30	Đất ở tại nông thôn	UBND xã U Minh Thượng xử lý tài sản trên đất trước khi tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.

6		<i>UBND xã An Châu quản lý</i>	<i>11.521,80</i>		
26	6.1	Khu đất Bệnh viện Đa khoa (cũ)	4.264,20	Đất thương mại, dịch vụ	UBND xã An Châu rà soát, kiểm tra lại sự phù hợp quy hoạch đối với các thửa đất đề xuất đấu giá.
27	6.2	Khu đất trống (giữa Bệnh viện Đa khoa cũ và Điện lực Châu Thành)	2.000,60	Đất thương mại, dịch vụ	
28	6.3	Khu ẩm thực thị trấn An Châu (Sân cát của chợ An Châu mới)	2.200,00	Đất thương mại, dịch vụ	
29	6.4	Đất Viện kiểm sát cũ	520,00	Đất thương mại, dịch vụ	
30	6.5	Khu đất gồm: Sân Tennis, sân bóng đá mini (kế trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Châu Thành cũ)	2.537,00	Đất thương mại, dịch vụ	